



**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ - HÀ TĨNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phan Tùng Long.

- Ông Nguyễn Khắc Diện.

Thư ký phiên toà: - Ông Phan Văn Lâm. Thư ký Tòa án

Đại diện VKSND huyện Lộc Hà tham gia phiên toà:

Ông Lê Trọng Hùng.

Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020 tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/HSST-QĐ ngày 15/10/2020 đối với các bị cáo:

1. LÊ THỊ T; Sinh ngày: 29/9/1978 tại xã T, huyện T, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn H xã B, huyện L, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; con ông: Lê Đình L, đã chết; Con bà: Trương Thị H, sinh năm: 1956, hiện trú tại xã T, huyện T, tỉnh H; Chồng: Lê Tử N, sinh năm 1977, hiện trú tại thôn H xã B, huyện L, tỉnh H; Con: Có 04 con; Tiền án: Ngày 28/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc”; Tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Có mặt tại phiên tòa.

2. LÊ TỬ N; Sinh ngày: 07/10/1977 tại xã B, huyện L, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh H; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Lê Tử C (Đã chết); Con bà: Phan Thị C, sinh năm: 1949, cư trú tại xã B, huyện L, tỉnh H; Vợ: Lê Thị T, sinh năm 1978, cư trú tại thôn H xã B, huyện L, tỉnh H; Con: Có 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Đậu Tư A, sinh năm 1994; Cư trú tại: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh H.

Vắng mặt tại phiên tòa

- Anh Lại Văn T; sinh năm 1992; cư trú tại Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh H.

Vắng mặt tại phiên tòa

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Đăng S; sinh năm 1973; cư trú tại Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh H.

- Anh Nguyễn Văn B; sinh năm 1988; Cư trú tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh H.

- Chị Trần Thị M; sinh năm 2003; Cư trú tại thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh H

Đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lấy lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định, nên Lê Tử N đã bàn bạc với vợ là Lê Thị T là người đang có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” (ghi số lô, số đề) tiếp tục việc ghi số lô, số đề trái phép ở nhà riêng tại thôn H xã B (nay là xã B), huyện L, tỉnh H, T đã đồng ý cùng N thực hiện việc đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề trái phép nhằm thu lợi bất chính.

Việc đánh bạc của Lê Tử N và Lê Thị T là lợi dụng kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để ghi số lô, số đề trái phép cho những người đến đánh. Cách thức đánh bạc được thực hiện như sau: "Đề" là 02 số cuối cùng trong giải đặc biệt của kết quả của xổ số kiến thiết miền Bắc; "Ba càng" là 03 số cuối cùng trong giải đặc biệt; "Lô" là 02 số cuối cùng của tất cả các giải; "Xiên 2" là chuỗi 02 cặp số cuối cùng của tất cả các giải, "Xiên 3" là chuỗi 03 cặp số cuối cùng của tất cả các giải. Tỷ lệ đặt cược và cách tính tiền thắng, thua là: nếu người ghi đánh 1.000 đồng tiền số “Đề”, trúng thưởng sẽ được 70.000 đồng; đánh 1.000 đồng số “Ba càng”, nếu trúng thưởng sẽ được 400.000 đồng; đánh 01 điểm “Lô” bằng 20.000 đồng, nếu trúng thưởng sẽ được 70.000 đồng; còn nếu đánh 1.000 đồng “Xiên 2”, nếu trúng thưởng sẽ được 10.000 đồng; đánh 1.000 đồng “Xiên 3”, nếu trúng thưởng sẽ được 40.000 đồng; đánh 1.000 đồng “Xiên 4”, nếu trúng thưởng sẽ được 100.000 đồng. Những người đến đánh bạc trực tiếp hoặc đánh qua điện thoại với vợ

chồng Lê Tử N và Lê Thị T thì họ đọc các con số lô, số đề, số lượng tiền hoặc điểm lô và thanh toán tiền qua Lê Tử N, sau đó N trực tiếp hoặc nói với T ghi các số lô, đề của những người đánh vào một mảnh giấy kẻ ngang rồi đưa cho họ, đồng thời T hoặc N trực tiếp ghi những con số lô đề đó vào một tờ giấy kẻ ngang (bảng kê) để theo dõi.

Vào khoảng 17 giờ 40 phút ngày 27/11/2019, Lại Văn T dùng điện thoại nhắn tin cho Lê Tử N với nội dung ghi cho T số lô 23 với 40 điểm, tương đương số tiền 800.000 đồng. N đồng ý rồi nhắn tin lại cho T, sau đó N đọc số lô và số điểm mà T vừa đánh cho T rồi T ghi vào bảng kê.

Vào khoảng 17 giờ 45 phút ngày 27/11/2019, Đậu Tư A đến nhà N để đánh bạc. Khi đến thấy T và N đang ngồi trong nhà nên A nói với N “ghi cho em con lô 03 với 30 điểm” rồi đưa cho N 600.000 đồng. N nói với T ghi số lô trên cho Đậu Tư A, T liền ghi số lô 03 x 30 điểm vào một mảnh giấy kẻ ngang rồi đưa lại cho A thì bị Công an huyện Lộc Hà phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, trong ngày 27/11/2019 còn có nhiều đối tượng khác đến đánh bạc với vợ chồng Lê Tử N và Lê Thị T, tuy nhiên N và T không nhớ cụ thể tên tuổi, địa chỉ những người đó cũng như không nhớ họ đánh những số lô, đề nào, với số tiền bao nhiêu. Tất cả những số lô, số đề và số tiền mà những người đến đánh đều được N và T ghi vào một tờ giấy kẻ ngang là bảng kê. Như vậy số tiền đánh bạc giữa vợ chồng Lê Tử N và Lê Thị T với những đối tượng xác định được gồm Lại Văn T và Đậu Tư A là 1.400.000 đồng, số tiền không xác định được đối tượng đánh bạc với N và T là 8.400.000 đồng. Tổng số tiền N và T ghi lô đề trái phép ngày 27/11/2019 là 9.800.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSLH ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố các bị cáo Lê Thị T, Lê Tử N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND huyện Lộc Hà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt Lê Thị T từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án và áp dụng khoản 2, Điều 56, khoản 5 Điều 65 BLHS tổng hợp hai bản án để buộc Lê Thị T phải chấp hành hình phạt chung từ 16 tháng tù đến 18 tháng tù; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt Lê Tử N từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo: Không tranh luận gì với bản luận tội của đại diện VKS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lộc Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập có được trong hồ sơ vụ án cho thấy: Vào chiều ngày 27/11/2019 tại nhà riêng của vợ chồng Lê Tử N và Lê Thị T ở thôn H, xã B (nay là xã B), huyện L, tỉnh H, Lê Tử N và Lê Thị T đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề trái phép với Đậu Tư A số tiền 600.000 đồng; với Lại Văn T số tiền 800.000 đồng. Ngoài ra cũng trong ngày 27/11/2019 N và T còn ghi số lô, số đề trái phép cho một số đối tượng khác nhưng không rõ tên tuổi, địa chỉ với số tiền 8.400.000 đồng. Tổng số tiền N và T ghi lô đề trái phép ngày 27/11/2019 là 9.800.000 đồng.

Vì vậy Tòa xét thấy có đầy đủ các căn cứ để xét xử các bị cáo Lê Thị T, Lê Tử N về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 điều 321 - BLHS như Cáo trạng của VKS đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo T đã bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. thời gian thử thách 18 tháng theo bản án số 25/2018/HSST ngày 28/11/2018 lẽ ra bị cáo phải can ngăn không cho chồng mình là Lê Tử N thực hiện hành vi phạm tội nhưng khi bị cáo N đề xuất thì bị cáo T đã đồng ý và giúp sức cho bị cáo N trong việc ghi số lô, số đề. Qua lời khai của các bị cáo thừa nhận bị cáo N đã trực tiếp đứng ra ghi với số tiền là 6.300.000đ còn bị cáo T đã trực tiếp ghi với số tiền là 3.500.000đ. Điều này thể hiện các bị cáo coi thường pháp luật nên cần phải xét xử các bị cáo một mực án nghiêm để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Thị T phạm tội trong thời gian thử thách. Đây là tình tiết tăng nặng tái phạm nên cần áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52-BLHS để xem xét trong quyết định hình phạt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ngoài ra đối với bị cáo Lê Tử N được hưởng thêm tình tiết ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Do đó Tòa cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51-BLHS xem xét giảm nhẹ cho bị cáo Lê Thị T được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên tại thời điểm phạm tội bị cáo Lê Thị T đang trong thời gian thử thách của bản án số 25/2018/HSST ngày 28/11/2018 nên Tòa cần áp dụng khoản 2, Điều 56, khoản 5 Điều 65 BLHS tổng hợp hai bản án để buộc Lê Thị T phải chấp hành hình phạt chung và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ điều kiện để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Lê Tử N, Tòa cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật khi quyết định hình phạt. Bên cạnh đó, hoàn cảnh gia đình của bị cáo là con còn nhỏ, đưa đầu sinh năm 2004, đưa nhỏ nhất sinh năm 2019 và trong vụ án này bị cáo Lê Tử N và Lê Thị T có quan hệ vợ chồng nên xét thấy cách ly cả hai bị cáo ra khỏi xã hội là không cần thiết mà nghĩ áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65-BLHS cho bị cáo Lê Tử N được hưởng án treo cũng đủ giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và giao bị cáo cho UBND xã B và gia đình quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong vụ án này, bị cáo Lê Tử N và Lê Thị T có quan hệ với nhau là vợ chồng nên Tòa xét thấy cần áp dụng khoản 3, Điều 321-BLHS xử phạt hình phạt bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000đ cũng đủ nghiêm.

3. Về vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra Công an huyện Lộc Hà đã thu giữ được một số vật chứng và xét thấy cần xử lý như sau: 01 chiếc điện thoại OPPO màu vàng, đã qua sử dụng, Tòa xét thấy đây là phương tiện mà bị cáo N đã sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106-BLTTHS tịch thu sung công quỹ Nhà nước; 01 bút bi, 39 mảnh giấy nhỏ đây là vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106-BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 9.800.000đ, đây là số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi đánh bạc nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106-BLTTHS tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- **Về án phí:** Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị T, Lê Tử N phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52-Bộ luật hình sự xử phạt Lê Thị T 07 (*bảy*) tháng tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65-BLHS tổng hợp 09 tháng tù theo bản án số 25/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà buộc bị cáo Lê Thị T phải chấp hành hình phạt chung cả hai bản án là 16 tháng tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/9/2018 đến ngày 21/9/2018. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 5, Điều 65-Bộ luật hình sự xử phạt Lê Tử N 07 (*bảy*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (*mười bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26/10/2020.

Giao bị cáo cho UBND xã B và gia đình quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, điều 69-Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 3, Điều 321-BLHS xử phạt bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000đ (*năm triệu*) đồng.

- **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47-BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106-BLTTHS: Tịch thu số tiền 9.800.000đ (*chín triệu tám trăm ngàn đồng*) và 01 chiếc điện thoại OPPO màu vàng, đã qua sử dụng sung công quỹ Nhà nước; tịch thu 01 bút bi, 39 mảnh giấy nhỏ tiêu hủy. (Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/02/2020)

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136-BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc các bị cáo Lê Thị T, Lê Tử N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST.

Báo cho cho các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- Phòng GDKT-TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an huyện Lộc Hà;
- VKSND huyện Lộc Hà;

- UBND xã B;
- Chi cục THA dân sự huyện Lộc Hà;
- THA hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HS.

Trần Xuân Quang